

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý, sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 507/QĐ-CTK ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc thanh lý xe ô tô phục vụ công tác chung của Thông kê thành phố Huế;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-TKT ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Trưởng Thông kê thành phố Huế về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thanh lý xe ô tô 75C-7273.

Thông kê thành phố Huế thông báo lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá tài sản như sau:

**1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:** Thông kê thành phố Huế.

Địa chỉ: 06 Hoàng Lanh, phường An Cựu, thành phố Huế.

**2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng và giá khởi điểm tài sản đấu giá:**

- Tên tài sản đấu giá, số lượng, chất lượng tài sản: Thanh lý 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Ford Everest, biển số đăng ký 75C-7273; Số máy: G6-344957; Số khung: RL05SULMMR6S02550; Số chỗ ngồi: 07 chỗ ngồi; Năm, nước sản xuất 2006, Việt Nam; xe đã qua sử dụng.

- Giá khởi điểm tài sản đấu giá: 151.389.000 đồng (một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng). Giá khởi điểm chưa bao gồm các loại thuế, phí theo quy định.

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có đầy đủ điều kiện đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và các tiêu chí quy định tại Điều 33 Thông tư 19/2024/TT-BTP và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP cụ thể như sau:

- Có trụ sở chính đóng trên địa bàn thành phố Huế.
- Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- Có cam kết bảo mật thông tin về cuộc đấu giá và thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.
- Mức giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá thực hiện theo Quyết định 1311/QĐ-BTP ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá.
- Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá được thực hiện theo Thông tư 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài Chính.
- Có bảng tự chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm theo Phụ lục I của Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp (Phụ lục kèm theo thông báo này).

Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trên. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Hồ sơ đăng ký của tổ chức đấu giá tài sản phải được niêm phong khi nộp hồ sơ đăng ký.

#### **4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

- Thời gian nộp hồ sơ: 04 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo.
- Địa điểm nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp trong giờ hành chính tại Phòng Tổ chức – Hành chính, Thống kê thành phố Huế; Địa chỉ: 06 Hoàng Lanh, phường An Cựu, thành phố Huế; SĐT liên hệ: 02343828125; 0906445479.

Thống kê thành phố Huế sẽ có văn bản thông báo kết quả cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn, các đơn vị không được thông báo kết quả là không được lựa chọn (*Lưu ý: Hồ sơ đăng ký không được lựa chọn Thống kê thành phố Huế sẽ không hoàn trả lại*).

Thống kê thành phố Huế trân trọng thông báo./.

#### **Nơi nhận:**

- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia tại địa chỉ: <https://dgts.moj.gov.vn> (để đăng tin);
- Niêm yết tại trụ sở Thống kê thành phố Huế;
- Lưu: VT, TCHC.

**TRƯỞNG THỐNG KÊ**



**Hoàng Văn Sỹ**

**Bảng tự chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm theo Phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp**

(Kèm theo Thông báo số: 446/TB-TKT ngày 05 tháng 8 năm 2026

của Thống kê thành phố Huế)

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                 | MỨC TỐI ĐA         |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                                |                    |
| 1.         | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                           | Đủ điều kiện       |
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                     | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                    | <b>19,0</b>        |
| 1.         | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                           | <b>10,0</b>        |
| 1.1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                              | 5,0                |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                                     | 5,0                |
| 2.         | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                 | <b>5,0</b>         |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                               | 2,0                |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                               | 3,0                |
| 3.         | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b><br><b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Công Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b> | <b>2,0</b>         |
| 4.         | <b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>                                                                                                                                  | <b>1,0</b>         |
| 5.         | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>1,0</b>         |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                             | <b>16,0</b>        |
| 1.         | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                                                                                                                       | <b>4,0</b>         |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0                |
| 1.2        | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0                |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 2.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                                                                                                                         | <b>4,0</b>  |
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                       | <b>4,0</b>  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0         |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                                       | 2,0         |
| 4.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>                                                                                                                                | <b>4,0</b>  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>57,0</b> |
| 1.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                        | <b>15,0</b> |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                            | 12,0        |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                     | 13,0        |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                     | 14,0        |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                      | 15,0        |
| 2.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                         | <b>7,0</b>  |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                              | 4,0         |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0         |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                         | 6,0         |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                | 7,0         |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>7,0</b>  |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0         |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,0         |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6,0         |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7,0         |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)                                                                                                                         | <b>3,0</b>  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>$Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7,0 |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0 |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |



|                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 7.1               | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,0             |
| 7.2               | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0             |
| 7.3               | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0             |
| 8.                | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>5,0</b>      |
| 8.1               | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0             |
| 8.2               | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0             |
| 8.3               | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0             |
| 9.                | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0             |
| 9.1               | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0             |
| 9.2               | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0             |
| 9.3               | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0             |
| V                 | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>8,0</b>      |
| 1                 | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,0             |
| 2                 | Tổ chức hành nghề đấu giá có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Huế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0             |
| 3                 | Tổ chức hành nghề đấu giá có mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đấu giá viên thuộc tổ chức mình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2,0             |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>100 điểm</b> |